

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-ĐHTN ngày 09/6/2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số 37/KH-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 08/01/2024 của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và rà soát, cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông báo số 426/TB-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 17/4/2024 Kết luận cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐH Kinh tế và QTKD;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học: Chương trình đào tạo Tài chính doanh nghiệp thuộc ngành Tài chính - Ngân hàng (mã số 7340201).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2024 (Khóa 21) của trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: 

- BGH (để b/c);
- Như điều 3 (để th);
- Đăng tải Website;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**




Đinh Hồng Linh



CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 410/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 22 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD)

I. Thông tin chung về Chương trình đào tạo

TT	Tiêu đề	Nội dung
1	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt)	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
2	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Anh)	CORPORATE FINANCE
3	Trình độ đào tạo	Cử nhân
4	Ngành đào tạo	Tài chính - Ngân hàng
5	Mã ngành	7340201
6	Đối tượng tuyển sinh	Theo đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
7	Thời gian đào tạo chuẩn	04 năm
8	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu	127 TC
9	Khoa Quản lý chương trình đào tạo	Ngân hàng - Tài chính
10	Ngôn ngữ giảng dạy	Tiếng Việt
11	Website	https://tueba.edu.vn http://nh-tc.tueba.edu.vn
12	Thang điểm	Thang điểm 4
13	Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
14	Văn bằng tốt nghiệp	Tiếng việt: Cử nhân Tài chính - Ngân hàng Tiếng Anh: Finance - Banking bachelor
15	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT Tài chính doanh nghiệp có thể làm việc tại các tổ chức với vị trí công việc sau: <i>Nhóm 1. Chuyên viên</i> - Chuyên viên phân tích và tư vấn tài chính, thẩm định tài chính dự án, quản lý rủi ro ...tại các loại hình doanh nghiệp. - Chuyên viên kinh doanh, môi giới, đầu tư, thẩm định tài chính...tại các quỹ tín dụng, quỹ đầu tư, công ty chứng khoán, quỹ bảo hiểm, công ty bảo hiểm và các định chế tài chính khác.

TT	Tiêu đề	Nội dung
		- Chuyên viên tài chính, quản lý tài chính tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế - xã hội; chuyên viên tài chính tại các cơ quan đơn vị hành chính - sự nghiệp - Chuyên viên phân tích, đầu tư tài chính cá nhân - Triển vọng trong tương lai, cá nhân có thể trở thành Trưởng bộ phận hoặc Giám đốc tài chính trong lĩnh vực Tài chính. - Nhân viên/chuyên viên/Chuyên gia, Trưởng nhóm, Trưởng bộ phận, Trưởng phòng, Giám đốc Khối tại các Cơ quan Nhà nước, Bộ ngành, Phòng/ Ban Tài chính, ... <i>Nhóm 2. Nhà đầu tư và chủ doanh nghiệp</i> - Nhà đầu tư tài chính - Nhà phân tích đầu tư tài chính - Chủ doanh nghiệp, start-up <i>Nhóm 3. Giảng viên và Nghiên cứu viên</i> - Giảng viên, nghiên cứu viên và trợ giảng tại các viện, trung tâm nghiên cứu, cơ sở giáo dục đào tạo trong và ngoài nước. - Triển vọng trong tương lai có thể trở thành giảng viên, nghiên cứu viên cao cấp trong lĩnh vực Tài chính.
16	Khả năng nâng cao trình độ	Người học có thể tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo chuyên ngành sau đại học ngành kinh tế, tài chính (Thạc sĩ, Tiến sĩ) hoặc các chương trình đào tạo đại học, sau đại học khác liên quan. Người học có khả năng học tập, nghiên cứu nâng cao để phát triển và trở thành các nhà quản lý ở các cấp khác nhau.
17	Chương trình đào tạo đối sánh	CTĐT Tài chính doanh nghiệp - Học viện Tài chính; CTĐT Tài chính - Học viện Ngân hàng
18	Thông tin kiểm định chương trình đào tạo	CTĐT Tài chính doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục theo Quyết định số: 158/QĐ-CEA.UD ngày 06/6/2023
19	Thời điểm cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Tháng 03/2024

II. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives - POs)

2.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp có bản lĩnh chính trị vững vàng, có sức khỏe tốt; có ý thức tự chủ và tự chịu trách nhiệm với bản thân và xã hội; Có kiến thức nền tảng và hỗ trợ về kinh tế, quản trị và quản lý; Có kiến thức toàn diện về Tài chính doanh nghiệp; có khả năng làm việc và thích ứng với môi trường năng động trong các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế xã hội; Đáp ứng yêu cầu công việc trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập kinh tế quốc tế.

2.2 Mục tiêu cụ thể

PO1. Đào tạo cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên - xã hội; kiến thức chung về kinh tế, quản trị và quản lý; kiến thức chuyên ngành về tài chính doanh nghiệp đáp ứng tốt yêu cầu công việc chuyên môn trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập kinh tế quốc tế.

PO2. Đào tạo cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp có kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm và kỹ năng hỗ trợ để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu công việc trong môi trường cạnh tranh và bối cảnh hội nhập, quốc tế hóa;.

PO3. Đào tạo cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp có phẩm chất đạo đức, ý thức kỷ luật tốt và tuân thủ pháp luật, có sức khỏe tốt; có ý thức học tập, nâng cao năng lực và trình độ theo tinh thần học tập suốt đời; có năng lực bảo vệ và chịu trách nhiệm về các quyết định cá nhân khi làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, chịu được áp lực trong công việc.

III. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	Chuẩn đầu ra về kiến thức	
PLO1	Giải thích được các nội dung cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên - xã hội cho công việc chuyên môn	2
PI1.1	Giải thích được các quy luật, bản chất của lĩnh vực chính trị - xã hội, nhà nước và pháp luật hướng vào giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn	2
PI1.2	Giải thích được những vấn đề cơ bản về khoa học tự nhiên - xã hội trong khi thực hiện công việc	2
PLO2	Vận dụng được các kiến thức và nguyên lý nền tảng của kinh tế, quản trị, quản lý một cách linh hoạt vào giải quyết các vấn đề của ngành Tài chính ngân hàng	3
PI2.1	Vận dụng được các kiến thức nền tảng của lĩnh vực kinh tế, quản	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	trị và quản lý vào giải thích, xử lý các vấn đề cơ bản của lĩnh vực ngành Tài chính ngân hàng	
PI2.2	Thực hiện được nghiệp vụ cơ bản về thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu trong thực hiện công việc	3
PLO3	Vận dụng kiến thức công nghệ thông tin vào giải quyết các công việc của lĩnh vực tài chính doanh nghiệp	3
PI3.1	Vận dụng kiến thức công nghệ thông tin cơ bản (word, excel, powerpoint) vào xử lý công việc chuyên môn, đạt chuẩn tin học theo quy định của Nhà trường	3
PI3.2	Vận dụng kiến thức một số phần mềm chuyên môn vào xử lý công việc thuộc lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp	3
PLO4	Vận dụng các kiến thức chuyên ngành trong việc thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin và đề xuất các giải pháp trong việc ra quyết định tài chính của doanh nghiệp	3
PI4.1	Vận dụng các kiến thức chuyên ngành tài chính (tài chính doanh nghiệp, tài chính công, tài chính quốc tế, định giá tài sản, thẩm định tài chính dự án, thuế,...) trong khi thực hiện công việc	3
PI4.2	Thực hành tính toán các số liệu tài chính trong các lĩnh vực liên quan	3
PI4.3	Vận dụng các chỉ số tài chính đã tính toán để đánh giá vấn đề khi thực hiện công việc	3
PI4.4	Đề xuất các giải pháp tài chính để giải quyết vấn đề khi thực hiện công việc	3
PLO5	Vận dụng kiến thức chuyên môn khi tham gia trải nghiệm, thực tập và thực tế tại đơn vị	3
PI5.1	Vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn để phân tích, xử lý các tình huống khi tham gia trải nghiệm, thực tế, thực tập tại đơn vị	3
PI5.2	Phân tích môi trường và lĩnh vực hoạt động của đơn vị để đưa ra những quyết định chuyên môn trong vị trí việc làm tương ứng	3
	Chuẩn đầu ra về kỹ năng	
PLO6	Sử dụng các kỹ năng cơ bản để phục vụ công việc trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp	3
PI6.1	Thể hiện kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và thuyết phục tốt	3
PI6.2	Sử dụng ngoại ngữ để thể hiện quan điểm cá nhân trong lĩnh vực	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	chuyên môn	
PLO7	Thành thạo các kỹ năng chuyên môn để phục vụ công việc trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp	3
PI7.1	Thực hiện thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin để đưa ra các quyết định chuyên môn	3
PI7.2	Thực hiện lập kế hoạch tài chính, điều phối, tổ chức sắp xếp công việc trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp	3
PI7.3	Thực hiện dự báo, phân tích các vấn đề để đưa giải pháp giải quyết vấn đề chuyên môn	3
PLO8	Xây dựng được ý thức khởi nghiệp cho bản thân	2
	Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO9	Tuân theo các quy định của pháp luật, xã hội, cơ quan đơn vị; sẵn sàng tham gia học tập suốt đời	2
PI9.1	Tuân theo các quy định pháp luật và các quy định nghề nghiệp trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp	2
PI9.2	Rèn luyện sức khỏe, hình thành ý thức tự giác học tập và nghiên cứu	2
PLO10	Bảo vệ được quan điểm cá nhân, có ý thức trách nhiệm cao trong công việc chuyên môn; làm việc độc lập và chịu được áp lực trong công việc; thể hiện phẩm chất trung thực, tự tin, sáng tạo trong công việc	3
PI10.1	Bảo vệ được quan điểm cá nhân và có ý thức trách nhiệm cao trong công việc chuyên môn	3
PI10.2	Làm việc độc lập, làm việc nhóm dưới cường độ cao, chịu được áp lực trong công việc	3
PI10.3	Thể hiện phẩm chất trung thực, tự tin, sáng tạo trong công việc và định hướng nghề nghiệp cho bản thân	3

IV. Khung chương trình đào tạo

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	Đáp ứng CDR (PLO)	HP trải nghiệm
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương		34		
1	Triết học Mác - Lênin	MLP131	3	PLO1 (PI1.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.2);	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MLE121	2	PLO1 (PI1.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.2);	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SSO121	2	PLO1 (PI1.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.2);	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM121	2	PLO1 (PI1.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.2);	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	VCP121	2	PLO1 (PI1.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.2);	
6	Pháp luật đại cương	LAW121	2	PLO1 (PI1.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.1);	
7	Tin học ứng dụng	AIN131	3	PLO2 (PI2.2); PLO3 (PI3.1); PLO10 (PI10.2)	
8	Lý thuyết xác suất và thống kê	PST131	3	PLO1 (PI1.2); PLO2 (PI2.2); PLO9 (PI9.2)	
9	Toán kinh tế	MAE131	3	PLO1 (PI1.2); PLO2 (PI2.2); PLO9 (PI9.2)	
10	Tiếng Anh 1	ENG121	2	PLO6 (PI6.1; PI6.2); PLO9 (PI9.2)	
11	Tiếng Anh 2	ENG122	2	PLO6 (PI6.1; PI6.2); PLO9 (PI9.2)	
12	Tiếng Anh 3	ENG133	3	PLO6 (PI6.1; PI6.2); PLO9 (PI9.2)	
13	Tiếng Anh 4	ENG134	3	PLO6 (PI6.1; PI6.2); PLO9 (PI9.2)	
14	Nguyên lý khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	PEI121	2	PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO8; PLO9 (PI9.2)	
15	Giáo dục thể chất I	PHE011	30 tiết	PLO9 (PI9.2)	
16	Giáo dục thể chất II	PHE012	30 tiết	PLO9 (PI9.2)	
17	Giáo dục thể chất III	PHE013	30 tiết	PLO9 (PI9.2)	
18	Giáo dục quốc phòng		5 tuần	PLO9 (PI9.2)	
2	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		93		
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		30		
	<i>Bắt buộc</i>		21		
19	Kinh tế học vi mô 1	MIE231	3	PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)	
20	Quản trị học	MAN231	3	PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)	
21	Kinh tế học vĩ mô 1	MAE231	3	PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)	
22	Marketing căn bản	PMA231	3	PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)	
23	Tài chính tiền tệ	FAM231	3	PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.2); PLO10 (PI10.2)	
24	Nguyên lý thống kê	PSE231	3	PLO2 (PI2.2); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)	
25	Nguyên lý kế toán	ACT231	3	PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)	

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	Đáp ứng CĐR (PLO)	HP trải nghiệm
	Tự chọn (Sinh viên chọn 3 trong số 6 HP tự chọn)		9		
26	Luật kinh tế căn bản	ELA231	3	PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PLO9.1); PLO10 (PI10.2)	
27	Thương mại điện tử	ECM331	3	PLO2 (PI2.1); PLO3 (PI3.2); PLO10 (PI10.2)	
28	Soạn thảo văn bản kinh doanh và quản lý	WBM231	3	PLO2 (PI2.1); PLO3 (PI3.1) PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)	
29	Phương pháp nghiên cứu khoa học	SRM231	3	PLO2 (PI2.2); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PLO9.2); PLO10 (PI10.2)	
30	Hệ thống thông tin trong quản lý	MIS231	3	PLO2 (PI2.1, PI2.2); PLO3 (PI3.2); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.2)	
31	Kinh tế lượng	ECO231	3	PLO2 (PI2.1, PI2.2); PLO3 (PI3.2); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2, PI10.3)	
2.2	Kiến thức ngành		27		
	Bắt buộc		15		
32	Kế toán tài chính	FAC331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI10.2)	
33	Tài chính doanh nghiệp căn bản	COF331.	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.1, PI10.2, PI10.3)	x
34	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại căn bản	COB331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.1, PI10.2, PI10.3)	x
35	Tài chính quốc tế	INF331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1); PLO6 (PI6.1, PI6.2); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	x
36	Thị trường và các định chế tài chính	FMI331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
	Tự chọn (Sinh viên chọn 4 trong số 9 HP tự chọn)		12		
37	Thị trường chứng khoán	SMK331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
38	Thuế	STT331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
39	Nguyên lý bảo hiểm	PRI231	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
40	Tài chính công	PUF331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
41	Pháp luật tài chính	FIL231	3	PLO1 (PI1.1); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.1); PLO10 (PI10.2)	

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	Đáp ứng CDR (PLO)	HP trải nghiệm
42	Kỹ năng quản trị	MAS331	3	PLO2 (PI2.1); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)	
43	Digital Marketing	DIM331	3	PLO2 (PI2.1); PLO3 (PI3.2); PLO6 (PI6.1); PLO10 (PI10.2)	
44	Tín dụng ngân hàng	BCR231	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
45	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	ORC331	3	PLO2 (PI2.1, PI2.2); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI9.1)	
2.3	Kiến thức chuyên ngành		24		
	<i>Bắt buộc</i>		<i>12</i>		
46	Tài chính doanh nghiệp chuyên ngành	COF332	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
47	Phân tích tài chính doanh nghiệp	CFA331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO8; PLO10 (PI10.2)	
48	Quản trị rủi ro tài chính	FRM331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	X
49	Thực hành tài chính doanh nghiệp	PCF331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.1, PI10.2, PI10.3)	X
	Tự chọn (Sinh viên chọn 4 trong số 8 HP tự chọn)		12		
50	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	BPC331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1); PLO10 (PI10.2)	
51	Thanh toán quốc tế	INP331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1, PI6.2); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
52	Thẩm định tài chính dự án	FAP331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO8; PLO10 (PI10.2)	
53	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại nâng cao	COB332	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
54	Thực hành Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	PCB331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.1, PI10.2, PI10.3)	
55	Dịch vụ ngân hàng	BAS331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
56	Phân tích và đầu tư chứng khoán	AIS331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
57	Quản lý danh mục đầu tư	POM331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
2.4	Thực tập môn học CTĐT Tài chính doanh nghiệp	COF321	2	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO9 (PI9.1, PI9.2); PLO10 (PI10.1, PI10.2, PI10.3)	

TT	Học phần	Mã HP	Số TC	Đáp ứng CĐR (PLO)	HP trải nghiệm
2.5	Thực tập tốt nghiệp CTĐT chính doanh nghiệp	COF441	4	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO9 (PI 9.1, PI9.2); PLO10 (PI10.1, PI10.2, PI10.3)	
2.6	KLTN/Tự chọn thay thế KLTN CTĐT chính doanh nghiệp	COF904	6	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO5 (PI5.1, PI5.2); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO9 (PI 9.1, PI9.2); PLO10 (PI10.1, PI10.2, PI10.3)	
	Tự chọn thay thế KLTN (sinh viên chọn 2 trong số 4 HP)				
58	Tài chính công ty đa quốc gia	FMC331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
59	Quản trị ngân hàng thương mại	MCB331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
60	Kiểm toán nội bộ	INA331	3	PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO9 (PI 9.1, PI9.2)	
61	Định giá tài sản	BPR331		PLO4 (PI4.1, PI4.2, PI4.3, PI4.4); PLO6 (PI6.1); PLO7 (PI7.1, PI7.2, PI7.3); PLO10 (PI10.2)	
	Tổng số tín chỉ		127		

V. Kế hoạch đào tạo

TT	Học kì/Học phần	Mã HP	Tính chất HP	Tín chỉ	Số tiết		HP trải nghiệm
					LT	TH	
I	Học kì I			15			
1	Triết học Mác - Lênin	MLP131	Bắt buộc	3	36	18	
2	Toán kinh tế	MAE131	Bắt buộc	3	36	18	
3	Tiếng Anh 1	ENG121	Bắt buộc	2	24	18	
4	Kinh tế học vi mô 1	MIE231	Bắt buộc	3	36	18	
5	Pháp luật đại cương	LAW121	Bắt buộc	2	24	12	
6	Nguyên lý khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo	PEI121	Bắt buộc	2	24	12	
7	Giáo dục thể chất I	PHE011	Bắt buộc	X			
II	Học kì II			16			
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	MLE121	Bắt buộc	2	24	12	
2	Tiếng Anh 2	ENG122	Bắt buộc	2	24	12	
3	Lý thuyết xác suất và thống kê	PST131	Bắt buộc	3	36	18	
4	Tin học ứng dụng	AIN131	Bắt buộc	3	36	18	
5	Nguyên lý kế toán	ACT231	Bắt buộc	3	36	18	
6	Kinh tế học vĩ mô 1	MAE231	Bắt buộc	3	36	18	
7	Giáo dục thể chất II	PHE012	Bắt buộc	X			
III	Học kì III			17			
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	SSO121	Bắt buộc	2	24	12	
2	Tiếng Anh 3	ENG133	Bắt buộc	3	36	18	
3	Quản trị học	MAN231	Bắt buộc	3	36	18	
4	Tài chính tiền tệ	FAM231	Bắt buộc	3	36	18	
5	Nguyên lý thống kê	PSE231	Bắt buộc	3	36	18	
6	Giáo dục thể chất III	PHE013	Bắt buộc	X			
7	Giáo dục quốc phòng		Bắt buộc	X			
8	HP tự chọn cơ sở ngành		Tự chọn	3	36	18	
IV	Học kì IV			18			
1	Marketing căn bản	PMA231	Bắt buộc	3	36	18	
2	Tài chính doanh nghiệp căn bản	COF331	Bắt buộc	3	36	18	x
3	Thị trường và các định chế tài chính	FMI331	Bắt buộc	3	36	18	
4	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại căn bản	COB331	Bắt buộc	3	36	18	x
5	HP tự chọn cơ sở ngành		Tự chọn	3	36	18	
6	HP tự chọn cơ sở ngành		Tự chọn	3	36	18	
V	Học kì V			18			
1	Kế toán tài chính	FAC331	Bắt buộc	3	36	18	
2	Tài chính quốc tế	INF331	Bắt buộc	3	36	18	x
3	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn	3	36	18	
4	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn	3	36	18	

TT	Học kì/Học phần	Mã HP	Tính	Tín	Số tiết		HP trải
5	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn	3	36	18	
6	HP tự chọn kiến thức ngành		Tự chọn	3	36	18	
VI	Học kì VI			16			
1	Tiếng Anh 4	ENG134	Bắt buộc	3	36	18	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM121	Bắt buộc	2	24	12	
3	Tài chính doanh nghiệp chuyên ngành	COF332	Bắt buộc	3	36	18	
4	Phân tích tài chính doanh nghiệp	CFA331	Bắt buộc	3	36	18	
5	Quản trị rủi ro tài chính	FRM331	Bắt buộc	3	36	18	x
6	Thực tập môn học CTĐT Tài chính doanh nghiệp	COF421	Bắt buộc	2			
VII	Học kì VII			17			
1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	VCP121	Bắt buộc	2	24	12	
2	Thực hành tài chính doanh nghiệp	PCF331	Bắt buộc	3	36	18	x
3	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn	3	36	18	
4	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn	3	36	18	
5	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn	3	36	18	
6	HP tự chọn kiến thức chuyên ngành		Tự chọn	3	36	18	
VIII	Học kì VIII			10			
1	Thực tập tốt nghiệp CTĐT Tài chính doanh nghiệp	COF441		4			
2	KLTN/ Tự chọn thay thế KLTN CTĐT Tài chính doanh nghiệp	COF904		6			
	HP thay thế khóa luận			3	36	18	
	HP thay thế khóa luận			3	36	18	
	Tổng số tín chỉ			127			